

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/DS-PT

Ngày: 14 - 12 - 2021

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
 - + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường
 - + Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thiên Hương, bà Vũ Thị Thanh Hòa
 - Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLPT-DS ngày 03/3/2021, về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/ QĐ-PT, ngày 25/5/2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 50/2021/TB-TA, ngày 07/6/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 56/2021/TB-TA, ngày 26/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐ-PT, ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 121, đường số 5, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phương Đ - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: Số 129, đường ĐDT, khu phố 6, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Xuân Ph, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 122, đường số 5, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2020)

Địa chỉ: Thôn 10, xã NC, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 121, đường số 5, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 122, đường số 5, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 8, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Đoàn Thị Thu V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 100, đường số 5, thôn 3, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Ngân hàng Chính sách X.

Địa chỉ: Số 169, phố LĐ, pH HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N, sinh năm 1979; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện ĐL.

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1979; Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện ĐL (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020).

4. Người kháng cáo: Bà Đoàn Thị Xuân Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào tháng 12 năm 2015, thông qua bà Đoàn Thị Xuân Ph là tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội tại thôn 3, xã Đức H, bà đã làm hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội – Phòng giao dịch huyện ĐL để vay số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường.

Đến tháng 3 năm 2016, bà tiếp tục vay của ngân hàng CSXH số tiền 40.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Khi Ngân hàng giải ngân số tiền 40.000.000 đồng, bà Ph đã nhận từ bà số tiền 12.000.000 đồng, bà Ph nói rằng để trả vào khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường mà bà đã vay trước đó tại Ngân hàng CSXH;

Mặt khác, từ ngày 17/4/2016 đến ngày 17/2/2019 bà đã đưa tiền cho bà Ph 35 lần, mỗi lần là 1.020.000 đồng x 35 lần = 35.700.000 đồng. Bà Ph nói nhận số tiền này để trả vào khoản vay 40.000.000 đồng. Tổng các số tiền bà Ph đã nhận của bà là 47.700.000 đồng.

Đến khoảng tháng 3/2019, bà liên hệ Ngân hàng CSXH thì được biết khoản vay 12.000.000 đồng chưa được trả dứt điểm, mới trả được 9.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi đến tháng 02/2019 và khoản nợ 40.000.000 đồng mới trả tiền lãi đến

tháng 02/2019, mà chưa trả nợ gốc.

Tổng số tiền lãi và gốc mà bà Ph nộp vào Ngân hàng CSXH thay cho bà là 20.668.568 đồng.

Nên bà đề nghị Tòa án buộc bà Đoàn Thị Xuân Ph phải trả cho bà số tiền bà Ph đã nhận mà không trả nợ vào Ngân hàng thay cho bà là 15.031.432 đồng và số tiền 12.000.000 đồng mà bà Ph nhận của bà lúc giải ngân số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà Ph phải trả cho bà H là 27.031.432 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H chỉ yêu cầu một mình bà Đoàn Thị Xuân Ph phải trả cho bà số tiền 27.031.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Ph trả số tiền 48.720.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 21.689.000 đồng.

Bị đơn Đoàn Thị Xuân Ph trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2019, bà làm Tổ trưởng Tổ tín dụng phụ trách làm hồ sơ cho vay của Ngân hàng CSXH tại địa bàn thôn 3, xã Đức H và hàng tháng bà thu tiền lãi của người vay để nộp cho Ngân hàng.

Tháng 12 năm 2015, bà có làm hồ sơ cho bà Hoàng Thị H vay 12.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường.

Đến tháng 3 năm 2016, bà tiếp tục làm hồ sơ để bà H vay số tiền 40.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo.

Toàn bộ hai số tiền này, Ngân hàng CSXH đã trực tiếp giải ngân cho bà H. Khi Ngân hàng giải ngân số tiền 40.000.000 đồng cho bà H, bà có nhận của bà H số tiền 10.000.000 đồng để trừ một khoản vay mà bà H đã vay trước đó của bà để mua heo giống;

Trong năm 2016, bà đã giới thiệu cho bà H vay tiền của bà Đoàn Thị Thu V số tiền 7.000.000 đồng và Nguyễn Thị N số tiền 18.000.000 đồng. Vì vậy, hàng tháng bà có thu của bà H các khoản tiền để đóng lãi, đóng quỹ tiết kiệm để trừ nợ gốc cho ngân hàng CSXH và thu tiền trả góp, trả lãi cho các khoản vay của bà Na và bà Vân, cụ thể như sau:

- Từ ngày 17/4/2016 đến ngày 17/4/2017 thu 13 lần, mỗi lần 560.000 đồng, tổng số tiền thu là 7.280.000 đồng, số tiền này để thu tiền lãi và đóng quỹ tiết kiệm cho bà H tại ngân hàng;

- Từ ngày 17/5/2017 đến ngày 17/6/2017 thu 02 lần, mỗi lần thu 820.000 đồng, tổng cộng thu 1.640.000 đồng, số tiền này để thu tiền lãi, đóng quỹ tiết kiệm cho bà H tại Ngân hàng và tiền lãi trả cho bà Nguyễn Thị N là 260.000 đồng/tháng;

- Từ ngày 17/7/2017 đến ngày 17/02/2019 thu 20 lần, mỗi lần thu 1.020.000

đồng, tổng cộng là 20.400.000 đồng, số tiền này để thu tiền lãi, đóng quỹ tiết kiệm cho bà H tại ngân hàng, tiền lãi trả cho bà Nguyễn Thị N là 260.000 đồng/tháng và tiền gốc trả cho bà Đoàn Thị Thu V là 200.000 đồng/tháng.

Tổng số tiền bà Ph thu của bà H từ ngày 17/4/2016 đến tháng 3/2019 là 29.320.000 đồng. Bà thống nhất với Ngân hàng CSXH về số tiền đã đóng các khoản lãi và tiết kiệm thay cho bà H từ ngày 17/4/2016 đến ngày 17/2/2019 là 20.668.568 đồng. Số tiền còn lại bà đã nhận và trả cho bà Na là 5.720.000 đồng và trả cho bà Vân 4.200.000 đồng. Bà Ph đồng ý trả lại cho bà H số tiền 4.200.000 đồng do bà Vân cho vay không có giấy tờ.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Ph, ông Lê Hồng K trình bày:

Bà Ph đã nhận tiền từ bà H để đóng lãi cho Ngân hàng CSXH đối với các khoản vay của bà H số tiền 20.668.568 đồng. Từ ngày 17/5/2017 đến ngày 17/02/2019, bà Ph thu của bà H 260.000 đồng/tháng x 22 lần để trả cho bà Na số tiền 5.720.000 đồng. Từ ngày 17/7/2017 đến ngày 17/3/2019, thu của bà H 200.000 đồng/tháng x 21 lần để trả cho bà Vân số tiền là 4.200.000 đồng. Tổng số tiền bà Ph thu của bà H là 30.588.568 đồng. Nay, bà Ph chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 4.200.000 đồng đã trả cho bà Vân do việc vay mượn của các bên không có chứng cứ, số tiền còn lại bị đơn không chấp nhận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thế H trình bày:

Ông là chồng của bà Hoàng Thị H. Việc đưa tiền cho bà Ph cụ thể như thế nào là do bà H và bà Ph thực hiện, ông có biết nhưng số tiền này là tài sản riêng của bà H chứ không liên quan gì đến ông. Vì lý do sức khỏe nên ông đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và bà Ph là bạn bè. Vào ngày 16/4/2017, bà Ph có nói với bà là bà H đang cần vay tiền. Do tin tưởng bà Ph nên đã đi vay của người khác để đưa lại cho bà H vay số tiền 18.000.000 đồng, tiền lãi thu mỗi tháng là 260.000 đồng. Do không quen biết bà H nên bà đã nhờ bà Ph thu tiền lãi của bà H hàng tháng số tiền 260.000 đồng từ ngày 16/4/2017 đến tháng 02/2019 là 5.200.000 đồng, cũng trong tháng 4/2019 bà H cũng đã hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc 18.000.000 đồng. Nay bà không yêu cầu gì về số tiền 18.000.000 đồng gốc và 5.200.000 đồng tiền lãi. Bà chỉ xác nhận việc bà Ph đã thu của bà H 260.000 đồng/tháng từ 16/4/2017 đến tháng 02/2019 là 5.200.000 đồng để trả lãi cho bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Thu V trình bày:

Vào ngày 17/7/2017, bà có cho bà H vay số tiền 7.000.000 đồng, trả góp tiền gốc mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả xong nợ gốc. Bà đã nhờ bà Ph thu hộ của bà H 200.000 đồng/tháng, bà H đã trả cho bà 21 tháng, tổng cộng số

tiền 4.200.000 đồng, còn lại 2.800.000 đồng, đến nay bà không yêu cầu xem xét. Bà chỉ xác nhận việc bà Ph có thu của bà H là thu hộ cho bà số tiền 200.000 đồng/tháng kể từ ngày 17/7/2017 đến 17/3/2019.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH trình bày:

Bà Đoàn Thị Xuân Ph làm Tổ trưởng tổ vay vốn nên ngân hàng CSXH đã ủy quyền cho bà Ph hướng dẫn tổ viên làm hồ sơ vay vốn và thu lãi của tổ viên. Từ ngày 17/4/2016 đến ngày 17/2/2019, bà Ph đã thu của bà H bao nhiêu thì ngân hàng CSXH không rõ nhưng số tiền bà Ph đã đóng vào Ngân hàng CSXH thay cho bà H là 20.668.568 đồng. Số tiền vay tại Ngân hàng của bà H theo như nguyên đơn và bị đơn trình bày là đúng, hiện nay bà H còn nợ các khoản vay này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020, Tòa án nhân dân huyện ĐL đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 134, 135, 142, 166 và khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 21.689.000 đồng.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 7.110.000 đồng.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đoàn Thị Xuân Ph phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về án phí DSST:

Bà Đoàn Thị Xuân Ph phải chịu 996.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng), án phí nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện ĐL.

Bà Hoàng Thị H phải chịu 356.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng), án phí nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện ĐL.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa

biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (31/12/2020). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, bà Đoàn Thị Xuân Ph làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án tỉnh Bình Thuận bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Xuân Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Năm 2015, bà Đoàn Thị Xuân Ph làm Tổ trưởng Tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội tại địa bàn thôn 3, xã Đức H, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

[2] Tháng 12/2015, bà Ph đã làm hồ sơ để bà Hoàng Thị H vay vốn tại Ngân hàng CSXH 12.000.000 đồng theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường.

[3] Tháng 02/2017, bà Ph tiếp tục làm hồ sơ cho bà H vay 40.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo.

[4] Thực tế, từ ngày 17/4/2016 đến ngày 17/02/2019, bà Ph đã nhận tiền của bà H để trả lãi và gốc tại Ngân hàng CSXH cho bà H với tổng số tiền là 20.668.568 đồng. Số tiền này các bên đương sự thống nhất.

[5] Đối với số tiền 9.920.000 đồng mà hiện nay bà H và bà Ph tranh chấp. Theo bà Ph khai số tiền này bà nhận tiền của bà H để trả lãi cho bà Na 5.720.000 đồng và trả cho bà Vân 4.200.000 đồng thay cho bà H.

Lời khai này của bà Ph không được bà H thừa nhận, bà H cho rằng bà không nhờ bà Ph trả nợ cho bà Na và bà Vân như bà Ph khai.

Bà Ph kháng cáo, nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ph trả cho bà H 9.920.000 đồng là có căn cứ.

[6] Ngoài ra, khi Ngân hàng giải ngân 40.000.000 đồng cho bà H; theo bà H khai bà Ph đã thu của bà 12.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng trước đó; bà Ph cho rằng bà chỉ nhận của bà H 10.000.000 đồng là để trả khoản nợ mà bà H vay riêng của bà trước đó.

Lời khai này của bà H không có tài liệu chứng minh đã đưa cho bà Ph 12.000.000 đồng, trong khi bà Ph chỉ thừa nhận 10.000.000 đồng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ph trả cho bà H 10.000.000 đồng là có căn cứ.

[7] Ngoài ra, xét thấy:

[7.1] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, tòa án phải căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị rút. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là thiếu sót, nên hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đủ và Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[7.2] Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 /01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất có 14 Điều. Tương tự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án gồm có 6 chương 48 Điều. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cụ thể điều khoản nào của hai Nghị quyết mà áp dụng toàn bộ Nghị quyết là việc áp dụng tùy tiện, không có căn cứ nên cần rút kinh nghiệm.

[8] Mặc dù bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nhưng trong phần quyết định bản án sơ thẩm có phần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 21.689.000 đồng và phần không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 7.110.000 đồng và một số nội dung khác; các nội dung này nguyên đơn không kháng cáo, nên hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

[9] Kháng cáo của bà Ph là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[10] Do Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Xuân Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 134, 135, 142, 166 và khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 /01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 21.689.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 7.110.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đoàn Thị Xuân Ph phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Đoàn Thị Xuân Ph phải nộp 996.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005183, ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án huyện ĐL. Bà Đoàn Thị Xuân Ph còn phải nộp 996.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Hoàng Thị H phải nộp 356.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện ĐL;
- Chi cục THADS huyện ĐL ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Cường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2021

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường
- *Các thẩm phán*: Bà Trần Thị Thiên Hương, bà Vũ Thị Thanh Hòa

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý 19/2021/TLPT-DS ngày 03/3/2021, về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”,

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, các

quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết 3/3 nhất trí quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Xuân Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐL.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 134, 135, 142, 166 và khoản 1 Điều 579 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 /01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 21.689.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 7.110.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đoàn Thị Xuân Ph phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Đoàn Thị Xuân Ph phải nộp 996.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005183, ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án huyện ĐL. Bà Đoàn Thị Xuân Ph còn phải nộp 996.000 đồng (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Hoàng Thị H phải chịu 356.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản lập xong đã đọc lại cho các thành viên trong hội đồng xét xử nghe nhất trí và ký tên dưới đây.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Trần Thị Thiên Hương Vũ Thị Thanh Hòa

Đặng Văn Cường